TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 259/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 29 - 5 - 2026.
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đặng Công Văn**
2. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1989. Vắng mặt
Cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Trung N** – sinh năm 1984. Vắng mặt
Cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Trung N đến với hôn nhân do mai mối, tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ vào ngày 03/10/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mẫu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cải vả, ông N không chăm lo gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 8/2025 thì vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân cũng không có giải pháp gì để hàn gắn. Nay bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông N, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà L và ông N có 01 người con chung là cháu Hồ Bình A, sinh ngày 24/12/2010, hiện đang chung sống với ông N. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông N tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, bà L không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hồ Trung N không đến tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến gì liên quan đến nội dung khởi kiện.

Tại phiên toà, bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông N tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các vấn đề khác đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Trung N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà L khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 1 của Luật Số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng, do đó vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về vấn đề hôn nhân: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Trung N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự thông cảm lẫn nhau nên đã sống ly thân đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không có giải pháp gì để khắc phục. Nay bà L cương quyết xin ly hôn, ông N dù đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc sự việc hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[3.2] Về vấn đề nuôi con, cấp dưỡng: Bà L và ông N có 01 người con chung là cháu Hồ Bình A, sinh ngày 24/12/2010, hiện đang chung sống với ông N. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông N tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, bà L không phải cấp dưỡng. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2026, cháu Hồ Bình A có nguyện vọng được chung sống với cha.

Xét thấy, cháu A đang chung sống với cha là ông N, nên cần được ổn định cuộc sống sinh hoạt, học tập, phù hợp với sự phát triển của trẻ em. Vì thế, giao cháu A cho ông N tiếp tục nuôi con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con để đảm bảo cho người con có điều kiện được phát triển tốt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết ông N không có yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, bà L có ý kiến là sẽ tự nguyện cho tiền cháu A chứ không buộc bà cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc bà L phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở như đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, qản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Trung N.

2. Về nuôi con, cấp dưỡng: Bà L và ông N có 01 người con chung là cháu Hồ Bình A, sinh ngày 24/12/2010, hiện đang chung sống với ông N. Khi ly hôn, giao cháu Hồ Bình A cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị L không ai được cản trở. Sau này bà L, ông N có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con, theo quy định pháp luật.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012532 ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Công nhận bà L đã nộp xong án phí.

5. Về kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4;
- UBND P. Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.